

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG TRÔM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 26-4-2024  
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Toàn

Bà Phạm Thị Thu Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Lan Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thiện K, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*Bị đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Anh K có mặt. Chị T vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Thiện K trình bày:*

Anh và chị Hoàng Thị T kết hôn vào năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/12/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Đến đầu năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói

chung nên đã sống ly thân từ tháng 4/2023 đến nay. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Nguyễn Thiện N, sinh ngày 18/10/2016 và Nguyễn Thiên K, sinh ngày 15/11/2022, hiện đang sống với chị T. Anh yêu cầu chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, cháu K. Anh cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Bị đơn chị Hoàng Thị T* đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời đến Tòa án tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng chị vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của anh K.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Thiện K đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chị Hoàng Thị T chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thiện K về việc ly hôn với chị Hoàng Thị T. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thiện N, sinh ngày 18/10/2016 và Nguyễn Thiên K, sinh ngày 15/11/2022 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 10.000.000đồng/tháng/02 con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không có tranh chấp. Về nợ chung: anh K khai không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Thiện K yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với chị Hoàng Thị T, cư trú tại khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến

hành giải quyết vụ án vắng mặt chị T là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo anh K trình bày, anh và chị Hoàng Thị T kết hôn vào năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/12/2015 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo đó, anh K cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Đến đầu năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên đã sống ly thân từ tháng 4/2023 đến nay. Xét thấy, Tòa án đã tiến hành hòa giải để anh K và chị T đoàn tụ nhưng chị T không đến tham dự các phiên hòa giải và anh K kiên quyết yêu cầu được ly hôn với chị T, đã chứng tỏ anh chị không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, anh K và chị T không còn chung sống với nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K đối với chị T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Anh K và chị T có 02 con chung là Nguyễn Thiện N, sinh ngày 18/10/2016 và Nguyễn Thiên K, sinh ngày 15/11/2022. Anh K yêu cầu chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, cháu K. Xét thấy, cháu N đã đủ 07 tuổi, thuộc trường hợp phải lấy ý kiến con theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã ra thông báo về việc lấy ý kiến con chưa thành niên nhưng anh K và chị T không đưa con đến Tòa để lấy ý kiến theo quy định. Theo hướng dẫn tại mục 8 phần I Giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao thì nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên chỉ là một trong những yếu tố Tòa án phải xem xét trong quá trình giải quyết vụ án, việc quyết định giao con cho bên nào trực tiếp nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Mặt khác, theo quy định tại Điều 214, 217 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì việc không lấy được lời khai của con không phải là căn cứ để đình chỉ hay tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án tiếp tục tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung mà không cần phải lấy ý kiến con chưa thành niên là phù hợp. Hiện nay, cháu N, cháu K đang sinh sống ổn định với chị T và anh K cũng đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu N, cháu K, tránh làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của 02 cháu, cần giao cháu N, cháu K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của anh K, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ khi tuyên án cho đến khi cháu N, cháu K đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: Anh K tự thỏa thuận, không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Anh K khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh K phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002748 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con anh K phải chịu 300.000 đồng.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, 227, 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thiện K đối với chị Hoàng Thị T.

Anh Nguyễn Thiện K được ly hôn với chị Hoàng Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiện N, sinh ngày 18/10/2016 và Nguyễn Thiên K, sinh ngày 15/11/2022 cho chị Hoàng Thị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Buộc anh Nguyễn Thiện K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi con mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ khi tuyên án cho đến khi cháu N, cháu K đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Thiện K được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thiện K tự thỏa thuận, không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Thiện K khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Thiện K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002748 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Nguyễn Thiện K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND phường P, quận B, TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Khắc Giang**